

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUY NHƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1252/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 12 - 2017

V/v Ly hôn giữa chị T và anh S

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Định

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Bà Cao Thị Chính

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hoàng Hương Giang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần An Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 908/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị T sinh năm 1980, địa chỉ: Đường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có mặt).

**- Bị đơn:** Anh S sinh năm 1978, địa chỉ: Đường C, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị T trình bày:**

Chị và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26.3.2008 tại UBND phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S không lo làm ăn mà tham gia chơi số đề, cá độ dẫn đến

cuộc sống gia đình khó khăn, thiếu thốn. Anh S làm nghề lái xe, thường xuyên sống xa nhà, vợ chồng ít có cơ hội gặp gỡ, nói chuyện dẫn đến tình cảm ngày càng phai nhạt. Do không chịu đựng được cách sống của anh S, năm 2015 chị đã làm đơn yêu cầu ly hôn nhưng sau đó được Tòa động viên, hòa giải nên chị đã tự nguyện rút đơn. Tuy nhiên từ đó đến nay, cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện, chị yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên A sinh ngày 21.6.2002 và cháu B sinh ngày 14.5.2008, hiện 02 cháu đang sống với chị, sức khỏe bình thường. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu B, giao cháu A cho anh S nuôi dưỡng; Không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 02 tháng 10 năm 2017 và lời khai tiếp theo bị đơn anh S trình bày:*

Anh thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày. Anh thừa nhận có phần trách nhiệm dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã đến năm 2015 chị T dẫn các con về sống tại nhà mẹ ruột. Hiện anh không còn tình cảm gì với chị T, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nhưng anh không đồng ý ly hôn vì anh sợ nếu ly hôn các con sẽ thiếu tình thương của cha mẹ.

Về con chung: Thống nhất như chị T trình bày về con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh, sức khỏe và tình trạng hiện nay của các cháu. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 cháu A, B và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T xin ly hôn anh S; Về con chung: Chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B; Anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A; Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn chị T với bị đơn anh S là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con chung”. Anh S cư trú tại đường C, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều

35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị T và anh S tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21, quyển số 01 ngày 26.3.2008 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày do cả hai bất đồng quan điểm sống, anh S làm nghề lái xe, thường xuyên sống xa nhà, ít có trách nhiệm với vợ con. Ngoài ra anh còn tham gia chơi số đề, cá độ dẫn đến cuộc sống gia đình khó khăn. Anh S thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh, mặc dù hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì sợ các con thiếu tình thương của cha mẹ nên anh không đồng ý ly hôn.

[3] Biên bản xác minh ngày 27.11.2017 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định có nội dung: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S tham gia cá độ dẫn đến kinh tế gia đình lâm cảnh khó khăn. Đến năm 2015 chị T đã bỏ về nhà cha mẹ ruột để sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. HĐXX thấy rằng, năm 2015 chị T đã làm đơn yêu cầu ly hôn anh S, ngày 30.10.2015 Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 860/2015/QĐST-HNGĐ với lý do chị T đã tự nguyện rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay cuộc sống vợ chồng chị T, anh S vẫn không được cải thiện, cả hai không tìm được tiếng nói chung, tình cảm giữa chị T, anh S thực sự không còn, khả năng hàn gắn là điều không thể, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh S yêu cầu được đoàn tụ nhưng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ nhằm kéo dài thời gian gây đau khổ cho cả hai, vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của T.

[4] Về con chung: Chị T, anh S thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên A sinh ngày 21.6.2002 và cháu B sinh ngày 14.5.2008, hiện 02 cháu đang sống với chị T, sức khỏe bình thường. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu được nuôi cháu B, giao cháu A cho anh S nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Anh S thì yêu cầu được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu cấp dưỡng. Tòa xét việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con trên cơ sở điều kiện, hoàn cảnh hiện tại của người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng có đảm bảo cho sự phát triển bình thường của đứa trẻ hay không. Thấy rằng, hiện chị T, anh S đều có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi các cháu. Nguyên vọng của cháu A mong muốn được ở với ba, cháu B thì có nguyện vọng được ở với mẹ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, HĐXX giao cháu B cho chị T được

trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu A cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh S.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung là cháu B sinh ngày 14.5.2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu A sinh ngày 21.6.2002 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

*Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.*

*Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.*

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ-ST được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0005290 ngày 29.9.2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh S có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Quy Nhơn;
- TANDTP.Quy Nhơn;
- UBND P. N;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Định**